

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 53

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và được chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động theo đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đập đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
Ông Thái Văn Chuyện	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
Ông Trần Nguyên Huân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Đinh Văn Hiệp	Thành viên	từ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban	
Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên	
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Hàn Phi Hải	Thành viên	từ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê An Khang	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
Ông Tân Xuân Hiến	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
Ông Phan Thanh Lạc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2014
Bà Trần Thị Phương	Kế Toán Trưởng	

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tân Xuân Hiến
Ông Thái Văn Chuyên

bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015
từ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2015

Ông Lê An Khang được Ông Tân Xuân Hiến ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo Giấy Ủy quyền số 05/2015/QĐ-CT.HĐQT ngày 6 tháng 1 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: *[Signature]*

Lê An Khang
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61121146/17146928-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (“Công ty”) và công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 15 tháng 4 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		435.055.235.348	405.133.491.368
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	97.816.910.206	30.088.149.045
111	1. Tiền		80.616.910.206	26.428.149.045
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.200.000.000	3.660.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	219.000.000.000	255.416.949.282
121	1. Đầu tư ngắn hạn		219.343.858.552	277.322.114.974
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(343.858.552)	(21.905.165.692)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		94.476.546.428	93.276.513.020
131	1. Phải thu khách hàng	7	38.129.137.306	46.287.496.487
132	2. Trả trước cho người bán	8	52.391.401.997	42.124.803.137
135	3. Các khoản phải thu khác	9	4.412.796.539	5.198.164.348
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(456.789.414)	(333.950.952)
140	IV. Hàng tồn kho		14.287.135.413	15.484.072.400
141	1. Hàng tồn kho	10	14.287.135.413	15.484.072.400
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.474.643.301	10.867.807.621
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		801.641.895	1.795.207.337
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.389.997.037	1.456.568.936
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		183.161.765	419.644.691
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	3.099.842.604	7.196.386.657

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.275.286.460.732	1.320.064.702.293
220	I. Tài sản cố định		1.227.937.804.149	1.209.068.542.620
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.106.730.854.079	1.070.484.348.703
222	Nguyên giá		1.412.884.308.569	1.310.058.677.122
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(306.153.454.490)	(239.574.328.419)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.656.867.462	1.696.694.977
228	Nguyên giá		1.973.877.975	1.968.877.975
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(317.010.513)	(272.182.998)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	119.550.082.608	136.887.498.940
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		691.183.500	72.548.097.693
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	-	68.877.613.937
258	2. Đầu tư dài hạn khác	16.2	691.183.500	3.670.483.756
260	III. Tài sản dài hạn khác		29.721.890.030	34.904.018.768
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	21.370.455.248	28.404.777.691
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	6.533.434.782	4.681.241.077
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.818.000.000	1.818.000.000
269	IV. Lợi thế thương mại	18	16.935.583.053	3.544.043.212
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.710.341.696.080	1.725.198.193.661

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		639.461.209.201	801.935.297.024
310	I. Nợ ngắn hạn		174.755.999.928	293.189.594.122
311	1. Vay ngắn hạn	19	78.527.796.096	196.111.991.083
312	2. Phải trả người bán	20	12.649.905.475	11.455.971.181
313	3. Người mua trả tiền trước	21	378.526.309	2.408.889.372
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	13.292.047.880	12.177.468.955
315	5. Phải trả người lao động		7.803.808.826	7.282.261.302
316	6. Chi phí phải trả	23	557.296.039	1.819.758.749
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24	49.511.728.267	49.901.663.358
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.034.891.036	12.031.590.122
330	II. Nợ dài hạn		464.705.209.273	508.745.702.902
331	1. Phải trả dài hạn người bán		259.770.187	259.770.187
334	2. Vay dài hạn	25	464.286.707.693	508.238.424.422
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	158.731.393	247.508.293
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		765.414.338.141	695.404.535.441
410	I. Vốn chủ sở hữu	26.1	765.414.338.141	695.404.535.441
411	1. Vốn cổ phần		601.302.280.000	522.871.860.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		56.096.658.653	103.154.918.653
414	3. Cổ phiếu quỹ			(1.986.517.906)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		27.342.627.324	22.181.101.856
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		10.311.937.404	3.797.109.478
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		70.360.834.760	45.386.063.360
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ		305.466.148.738	227.858.361.196
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.710.341.696.080	1.725.198.193.661

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (Đồng Việt Nam)	364.974.306	241.376.011
2. Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	202,69	202,33

Nguyễn Thị Mỹ Dung
Người lập

Trần Thị Phương
Kế toán trưởng

Lê An Khang
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	338.774.145.317	307.897.810.435
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28, 31	134.452.945.541	118.162.773.573
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		204.321.199.776	189.735.036.862
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	44.614.700.782	33.775.833.715
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	29	76.314.705.282 59.481.668.959	97.895.669.769 78.326.794.941
24	6. Chi phí bán hàng	31	174.280.727	12.022.911
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	40.386.774.600	30.297.737.756
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		132.060.139.949	95.305.440.141
31	9. Thu nhập khác	30	3.564.442.048	7.382.444.733
32	10. Chi phí khác	30	7.624.708.823	4.588.793.025
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	30	(4.060.266.775)	2.793.651.708
45	12. Phần lãi từ công ty liên kết		-	6.477.260.592
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		127.999.873.174	104.576.352.441
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.2	16.773.472.080	14.528.463.763
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	(1.940.970.605)	(981.439.869)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Trong đó:</i>		113.167.371.699	91.029.328.547
61	- Lợi ích của các cổ đông thiểu số		37.150.155.822	39.074.305.865
62	- Lợi nhuận thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		76.017.215.877	51.955.022.682
70	17. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26.5	1.264	864

Nguyễn Thị Mỹ Dung
Người lập

Trần Thị Phương
Kế toán trưởng

Lê An Khang
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		576.449.200.202	367.393.571.169
02	Tiền chi trả cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(71.878.829.101)	(75.239.764.610)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(48.852.637.179)	(39.787.832.091)
04	Tiền chi trả lãi vay		(65.318.586.912)	(58.019.580.471)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	32.2	(16.071.553.274)	(19.340.557.112)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		88.411.594.585	46.624.843.334
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(117.666.100.418)	(154.780.499.313)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		345.073.087.903	66.850.180.906
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(36.839.573.237)	(279.425.398.780)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		1.144.256.340	1.710.958.625
23	Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác		(285.766.686.440)	(5.497.274.512)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		49.470.000.000	22.015.400.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(32.708.315.719)	(49.131.286.861)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		106.763.390.142	28.526.928.926
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.815.863.034	28.334.761.212
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(181.121.065.880)	(253.465.911.390)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số		83.078.450.000	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		270.950.072.046	439.302.311.405
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(425.202.930.980)	(234.798.908.181)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(34.979.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số		(25.013.934.718)	(93.365.409.879)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(96.223.322.652)	111.137.993.345

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		67.728.699.371	(75.477.737.139)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		30.088.149.045	105.565.829.591
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61.790	56.593
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	97.816.910.206	30.088.149.045



Nguyễn Thị Mỹ Dung
Người lập





Trần Thị Phương
Kế toán trưởng

Lê An Khang
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (“GEC” hoặc “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và được chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động theo đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đập đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 423 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 472).

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 10 công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động		Tỷ lệ sở hữu (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm		
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("TIC")	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	58,90	58,84	
(2) Công ty Cổ phần Ayun Thượng ("GAC")	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	97,71	97,54	
(3) Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai ("GRC")	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	83,21	83,07	
(4) Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("GHC")	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ	Đang hoạt động	58,14	53,49	
(5) Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú ("TPH")	Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang trong giai đoạn đầu tư	26,88 (*)	39,66	
(6) Công ty TNHH MTV Xây dựng Bé tông Ly tâm Gia Lai ("GCC")	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Đang hoạt động	100	100	
(7) Công ty TNHH MTV Tư vấn & Phát triển Năng lượng Gia Lai ("GCE")	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Tư vấn thiết kế và kỹ thuật các công trình thủy điện	Đang hoạt động	100	100	
(8) Công ty TNHH GKC ("GKC")	Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang trong giai đoạn đầu tư	81,39	81,39	
(9) Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ ("TLH")	Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang trong giai đoạn đầu tư	71,35	66,05	
(10) Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ ("GBC")	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	42,51	60,48	
(11) Công ty TNHH MTV Cơ Điện Điện Phú	Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	Bị sáp nhập	- (**)	100	